TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 8 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Tuyết Nhung
Bà Hoàng Thị Thu

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Ngọc C, sinh năm 1997. Có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Hà Văn M, sinh năm 1989. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Thị L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2020, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Ngọc C trình bày: Chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 28/7/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cố gắng xây dựng hạnh phúc nhưng không thành do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Khi Hà Văn M say rượu thường gây sự, đánh chị Hà Ngọc C nhiều lần. Chị Hà Ngọc C đã quyết định ly hôn nhiều lần nhưng cố gắng nhẫn nhịn. Đầu năm 2020, chị Hà Ngọc C đi làm tại khu công nghiệp

Bắc Giang để tránh anh M, nhưng anh M đã dọa chị bằng cách nhắn tin lăng mạ, làm phiền và vu oan cho chị C ngoại tình. Trong suốt 05 năm chung sống vợ chồng anh chị vẫn không có con chung nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị C yêu cầu được ly hôn với anh M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Bị đơn anh Hà Văn M trình bày: Việc vợ chồng tìm hiểu, lấy nhau và đăng ký kết hôn như chị Hà Ngọc C đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vì yêu chị C nên anh M chấp nhận đến nhà chị C ở rể. Từ khi lấy nhau tình cảm vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Sau khi kết hôn được khoảng 03 năm thì chị Hà Ngọc C sang Trung Quốc làm thuê, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Tuy nhiên, từ tháng 02/2020, chị Hà Ngọc C đi làm công ty ở Bắc Giang thì chị C chỉ về nhà 01 lần vào tháng 3/2020 và sau đó không về nhà lần nào nữa. Trong quan hệ vợ chồng mâu thuẫn là không tránh khỏi nhưng anh M không được đánh chị C. Chị C yêu cầu ly hôn, anh M không đồng ý vì anh M vẫn còn yêu vợ, hai vợ chồng đã gắn bó được 05 năm. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Tòa án đã tổ chức việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự. Tuy nhiên, các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết quan hệ hôn nhân. Chị C yêu cầu được ly hôn, anh M không đồng ý mà mong muốn chị C về đoàn tụ gia đình. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin được ly hôn với anh M vì bản thân chị thường xuyên bị anh M liên tục quấy rối, nhắn tin lăng mạ, vu oan đặt điều, mỗi lần anh M đi uống rượu về thì gây sự, đánh chị nhiều lần nên chị thấy không còn tình cảm với anh M. Anh M không nhất trí ly hôn và mong chị C về đoàn tụ gia đình vì anh M vẫn còn tình cảm với chị C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị L trình bày như sau: Trong suốt quá trình chung sống giữa chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M đều hòa thuận, tại văn bản của Ủy ban nhân dân xã T cũng đã thể hiện giữa hai anh chị không xảy ra các mâu thuẫn trong gia đình. Việc ly hôn giữa chị C và anh M do anh chị quyết định. Trước đây anh M yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng hiện nay anh M không yêu cầu nữa vì hai vợ chồng không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và người tham gia tô tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định về việc viết bản tự khai, tham gia phiên tòa và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Công văn trả lời của địa phương nơi cư trú

của chị C, anh M và lời trình bày tại phiên tòa xét thấy vợ chồng chị C, anh M lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào năm 2015. Sau khi lấy nhau, anh M chuyển về nhà chị C sinh sống, hiện nay chị C đang làm việc tại công ty ở Bắc Giang nhưng anh M vẫn ở nhà chị C. Tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh M. Anh M vẫn giữ nguyên quan điểm mong muốn chị C về đoàn tụ gia đình. Xét thấy, tại Công văn số 540/UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện giữa chị C và anh M không xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ được thể hiện thông qua lời khai của chị C, anh M không thừa nhận. Do vậy không có căn cứ xác định giữa chị C và anh M mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Ngọc C về việc xin ly hôn với anh M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Ngọc C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn. Anh Hà Văn M hiện nay cư trú tại huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M lấy nhau có đăng ký kết hôn nên anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28/7/2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4] Trong đơn khởi kiện, chị Hà Ngọc C trình bày lý do chị xin ly hôn với anh Hà Văn M vì giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh M có hành vi bạo lực với chị. Hai vợ chồng anh chị sinh sống với nhau suốt 05 năm nhưng không có con cái nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Khi chị C đi làm xa, anh M vẫn tiếp tục có các hành vi quấy rối, nhắn tin lăng mạ, làm phiền và đánh chị nhiều lần. Anh Hà Văn M không thừa nhận có hành vi bạo lực với chị C, không được quấy rối, lăng mạ chị C. Đồng thời anh M xác định anh vẫn còn tình cảm với chị C, mong muốn chị C quay về đoàn tụ gia đình. Tại Công văn số 540/CV-UBND, ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn xác định: "*Giữa chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M không xảy ra các mâu thuẫn trong gia đình*... ". Do vậy, căn cứ chứng minh

mâu thuẫn giữa hai vợ chồng và hành vi bạo lực của anh Hà Văn M đối với chị Hà Ngọc C chỉ được thể hiện trong lời khai của chị Hà Ngọc C. Anh M không thừa nhận những mâu thuẫn này. Ngoài lời khai của chị Hà Ngọc C không có căn cứ nào khác chứng minh giữa chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Với những căn cứ trên, Tòa xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Hà Ngọc C và anh Hà Văn M chưa mâu thuẫn trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn M luôn tha thiết mong Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, để tạo điều kiện cho chị C, anh M có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị Hà Ngọc C về việc xin ly hôn với anh Hà Văn M.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ: Hai anh chị xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hà Ngọc C phải chịu án phí dân sự cho việc ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố dân sự.

[8] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Ngọc C về việc ly hôn với anh Hà Văn M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hà Ngọc C phải chịu án phí dân sự cho việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Hà Ngọc C đã nộp 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/05461 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Hà Ngọc C đã thi hành xong.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh